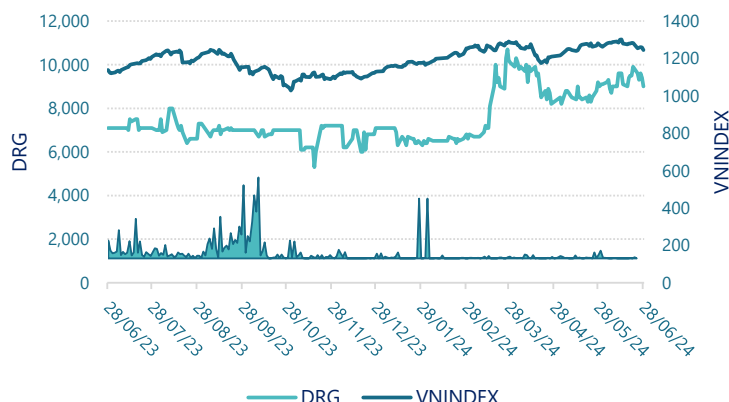


CTCP Cao su Đắk Lắk (UPCOM: DRG)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 28/06/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	9,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	10,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,300
SL cổ phiếu LH	155,800,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	16,410
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,402
P/E	42.7
EPS	211

DT thuần

Q2/24

188

tỷ VNĐ

QoQ: ▼51.0 | -21.5%

YoY: ▲ 15.0 | 8.4%

LN sau thuế

Q2/24

0.99

tỷ VNĐ

QoQ: ▼5.42 | -84.5%

YoY: ▲ 11.7 | 109%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

7.7%

+/- YoY: ▲ 8.9%

DT thuần

6T 2024

426

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 28.0 | 7.0%

LN sau thuế

6T 2024

7.40

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 4.70 | 174%

ROE

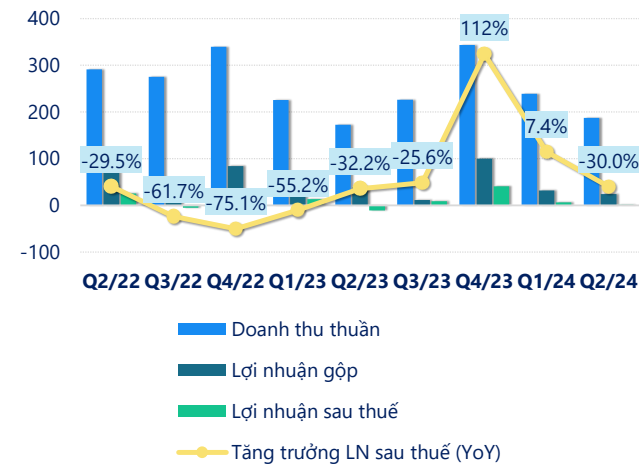
Q2/24

1.9%

+/- YoY: ▲ 2.3%

tỷ VNĐ

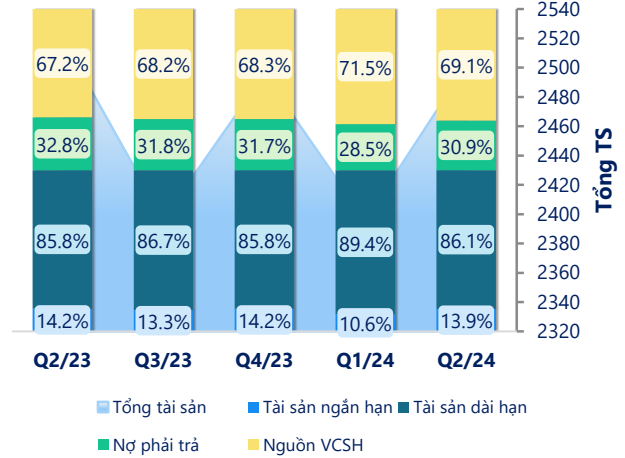
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

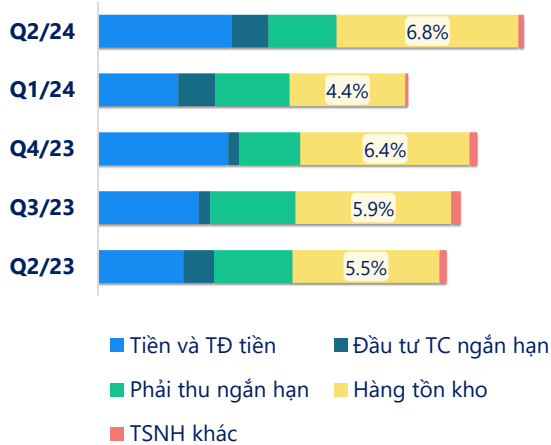
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



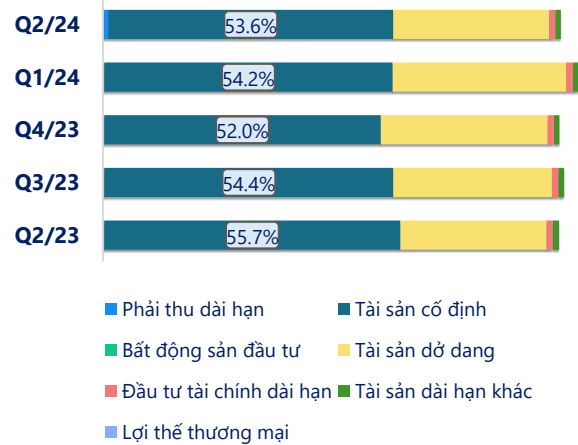
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

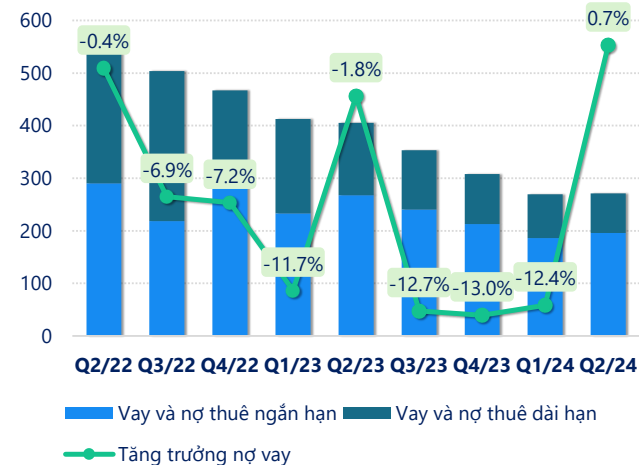
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

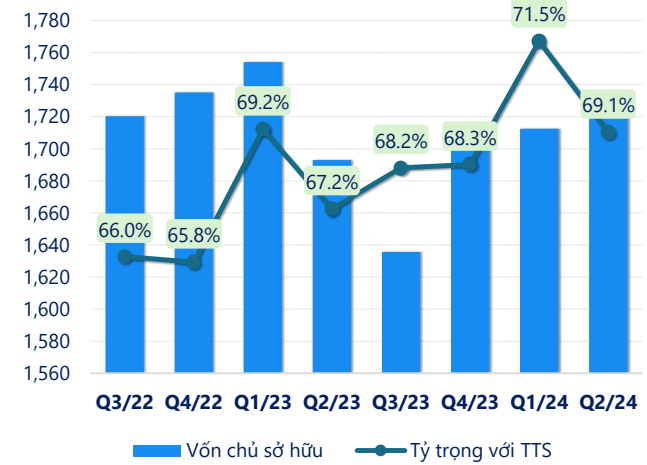
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

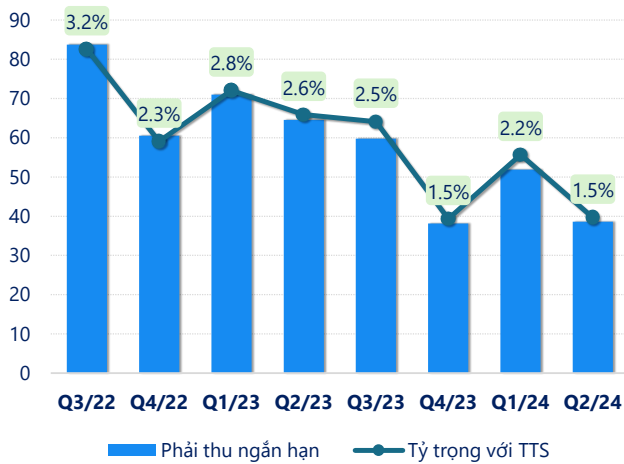
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



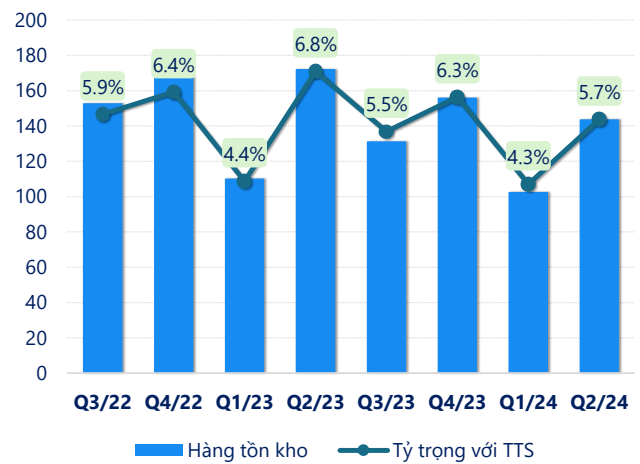
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


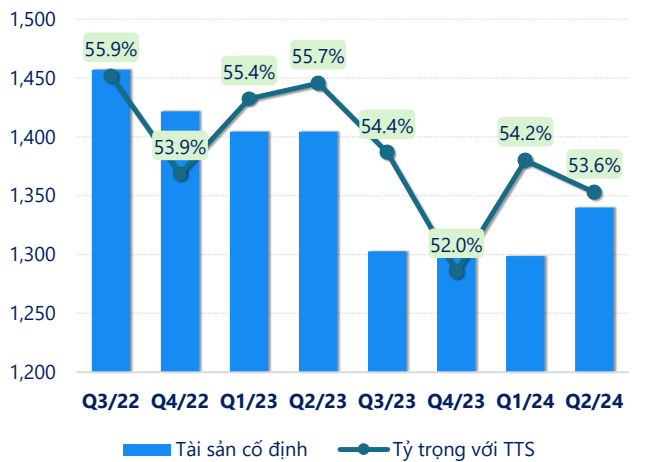
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


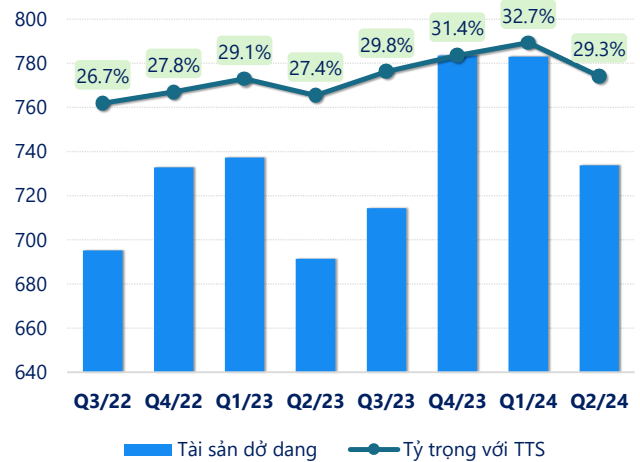
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

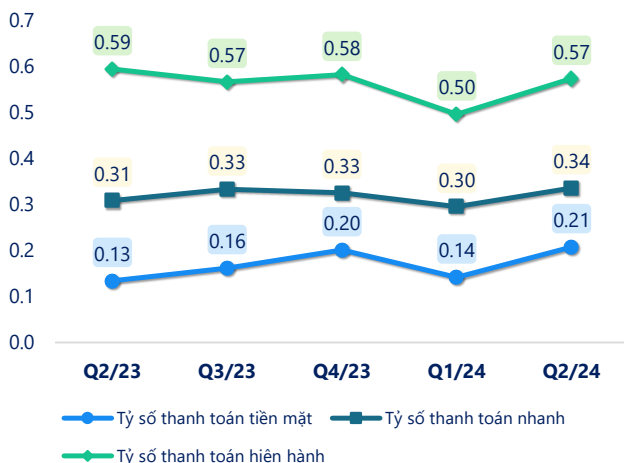
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

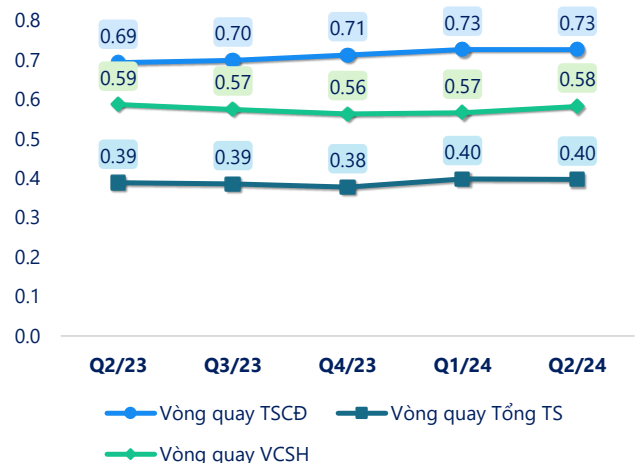
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	2,520	2,397	2,495	2,396	2,501
Tài sản ngắn hạn	358	318	354	253	347
Tiền và tương đương tiền	80.8	90.9	122	72.3	126
Đầu tư tài chính ngắn hạn	35.0	30.0	29.0	21.1	30.5
Phải thu ngắn hạn	64.6	59.8	38.2	51.9	38.6
Hàng tồn kho	172	131	156	103	144
Tài sản ngắn hạn khác	5.23	5.99	8.50	5.51	8.51
Tài sản dài hạn	2,162	2,079	2,142	2,143	2,155
Phải thu dài hạn	5.95	6.43	6.07	6.14	25.2
Tài sản cố định	1,404	1,303	1,298	1,299	1,340
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	691	714	784	783	734
Đầu tư tài chính dài hạn	29.7	29.8	29.8	29.8	29.7
Tài sản dài hạn khác	30.5	25.6	24.7	25.0	25.9
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	827	761	790	684	772
Nợ ngắn hạn	602	561	608	511	605
Vay và nợ thuê ngắn hạn	268	240	213	186	196
Phải trả người bán ngắn hạn	31.2	20.8	38.2	30.8	57.7
Nợ dài hạn	225	200	182	173	167
Vay và nợ thuê dài hạn	137	113	94.6	83.2	75.7
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,693	1,636	1,705	1,712	1,730
Vốn chủ sở hữu	1,693	1,636	1,705	1,712	1,730
Vốn điều lệ	1,558	1,558	1,558	1,558	1,558
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)